

Số: *71* /BC-NHCS

Thái Nguyên, ngày *18* tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**  
**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022**

Năm 2021, tình hình kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, nhưng với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và mọi người dân thực hiện tốt ba nhiệm vụ trọng tâm vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa đảm bảo phát triển kinh tế xã hội nên tình hình kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng dương; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá cao; các chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Trong năm 2021, hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Thái Nguyên luôn bám sát nhiệm vụ được NHCSXH Việt Nam giao và mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh; thực hiện tốt chỉ đạo của NHCSXH, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; tích cực triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được NHCSXH và địa phương giao; đảm bảo hoạt động Ngân hàng an toàn, ổn định, hiệu quả và đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các mặt hoạt động.

**Phần I**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021**

**1. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, Ban đại diện HĐQT**

Năm 2021, Chi nhánh đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị định về chế độ, chính sách tín dụng mới của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng Giám đốc NHCSXH; tham mưu Cấp ủy, Chính quyền địa phương, Trưởng BDD cụ thể hóa và ban hành các văn bản chỉ đạo toàn diện hoạt động tín dụng chính sách (TDCS) xã hội trên địa bàn.

- Tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy để triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách. Ngày 26/7/2021, Tỉnh Ủy Thái Nguyên đã ban hành văn bản số 354-CV/TU V/v triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Ngày 20/8/2021, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 3994/UBND-KT V/v triển khai thực hiện công văn 354-CV/TU ngày 26/7/2021 của Thường trực tỉnh ủy.

- Thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày

20/12/2021 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 228/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg. Ngày 29/12/2021, Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã ban hành kế hoạch số 956/ KH-NHCS triển khai thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg.

## **2. Công tác chỉ đạo điều hành**

- Ngay từ đầu năm Chi nhánh đã tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả hoạt động năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021 và tổ chức Hội nghị người lao động, xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và thống nhất các giải pháp đưa vào Nghị quyết nhằm phấn đấu hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2021.

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở tỉnh và PGD cấp huyện để triển khai thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của ngành Ngân hàng và các văn bản của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc NHCSXH, Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh.

- Định kỳ hàng tháng tổ chức họp giao ban đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ kỳ trước và xây dựng phương hướng nhiệm vụ cho kỳ tiếp theo; định kỳ hàng quý tổ chức sơ kết và đánh giá nhiệm vụ thực hiện theo định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng từ đó có những giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Tổ chức họp Ban giám đốc và Ban giám đốc mở rộng để bàn bạc giải quyết các công việc của đơn vị. Sau mỗi cuộc họp đều ban hành Thông báo kết luận làm căn cứ thực hiện.

- Tổ chức họp giao ban định kỳ với tổ chức Hội, Đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo theo đúng quy định; Sau mỗi phiên họp thống nhất nội dung và thông báo bằng văn bản đến các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

## **3. Công tác Kế hoạch - Nghiệp vụ Tín dụng**

### **3.1 Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng**

#### **a) Chỉ tiêu nguồn vốn:**

Tổng nguồn vốn thực hiện đạt: 3.747.963 triệu đồng, tăng 137.486 triệu đồng so với 31/12/2020 (3.610.477 triệu đồng), tỷ lệ tăng trưởng đạt 3,81%.

#### **Trong đó:**

- Nguồn vốn Trung ương chuyển về: 2.975.258 triệu đồng, tăng 57.752 triệu đồng so với 31/12/2020 (2.917.506 triệu đồng).

- Nguồn vốn ủy thác địa phương: 143.491 triệu đồng, tăng 25.346 triệu đồng so với 31/12/2020 (118.145 triệu đồng).

- Vốn huy động được cấp bù lãi suất: 450.866 triệu đồng, tăng 52.074 triệu đồng so với 31/12/2020 (398.792 triệu đồng), đạt 113% kế hoạch giao. Trong đó:

+ Tiền gửi của Tổ viên Tổ TK&VV: 184.122 triệu đồng, tăng 28.412 triệu đồng so với 31/12/2020 (155.711 triệu đồng).

+ Tiền gửi của Tổ chức kinh tế, cá nhân dân cư: 266.744 triệu đồng, tăng 23.663 triệu đồng so với 31/12/2020 (243.081 triệu đồng).

- Các quỹ và vốn khác: 178.348 triệu đồng. Tăng 2.314 triệu đồng so với 31/12/2020.

**b) Về sử dụng vốn:**

- Doanh số cho vay năm 2021: 1.166.352 triệu đồng, bằng 110% so với năm 2020 (1.058.643 triệu đồng), với 30.423 lượt khách hàng vay vốn.

- Doanh số thu nợ năm 2021: 1.018.865 triệu đồng, bằng 109,62% so với năm 2020 (929.414 triệu đồng).

- Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách đạt: 3.746.886 triệu đồng, tăng 147.286 triệu đồng 31/12/2020 (3.599.600 triệu đồng), tỷ lệ tăng trưởng đạt 4,09% với 105.309 khách hàng còn dư nợ; một số chương trình có tăng trưởng dư nợ cao như: Cho vay Hộ mới thoát nghèo tăng 134.805 triệu đồng, NS&VSMTNT tăng 180.198 triệu đồng, cho vay giải quyết việc làm tăng 108.396 triệu đồng.

**\* Dư nợ theo từng chương trình tín dụng như sau:**

Đến nay, Chi nhánh đang thực hiện cho vay 17 chương trình TDCS, trong đó dư nợ: Cho vay hộ nghèo 466.522 triệu đồng (chiếm 12,45%); hộ cận nghèo 608.495 triệu đồng (chiếm 16,24%); hộ mới thoát nghèo 544.879 triệu đồng (chiếm 14,54%); HSSV 72.795 (chiếm 1,94%); NS&VSMTNT 783.807 triệu đồng (chiếm 20,91%); GQVL 358.234 triệu đồng (chiếm 9,56%); XKLD 10.806 triệu đồng (chiếm 0,29%); hộ SXKDVKK 721.393 triệu đồng (chiếm 19,25%); thương nhân vùng khó khăn 6.465 triệu đồng (chiếm 0,17%); hộ nghèo về nhà ở 50.244 triệu đồng (chiếm 1,34%); nhà ở xã hội 53.151 triệu đồng (chiếm 1,42%); hộ dân tộc thiểu số và miền núi (QĐ 32,54,755,2085) 56.965 triệu đồng (chiếm 1,52%); chăn nuôi và phát triển rừng theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP 3.155 triệu đồng (chiếm 0,08%); cho vay khác 6.306 triệu đồng (chiếm 0,17%); cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc đối với người lao động: 3.669 triệu đồng (chiếm 0,098%).

**\* Chất lượng tín dụng:** Nợ quá hạn (NQH): 2.167 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,058%/tổng dư nợ, giảm 91 triệu đồng so với 31/12/2020 (2.258 triệu đồng).

+ Nợ khoanh: 0 triệu đồng, giảm 20 triệu đồng so với 31/12/2020.

**3.2. Đánh giá kết quả đầu tư tín dụng chính sách:**

Năm 2021: Chi nhánh được Trung ương giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 132.235 triệu đồng; trong đó có một số chương trình có tăng chỉ tiêu kế hoạch cao như: Cho vay hộ mới thoát nghèo 134.836 triệu đồng, NS&VSMTNT 186.205 triệu đồng, Giải quyết việc làm 79.000 triệu đồng, nhà ở xã hội 12.500 triệu đồng; tăng trưởng vốn ủy thác địa phương 25.346 triệu đồng; kết hợp với nguồn vốn thu hồi nợ để cho vay các chương trình TDCS với tổng doanh số cho vay 1.166.352 triệu đồng, 30.423 lượt hộ vay vốn.

Ngoài ra trong năm 2021, Chi nhánh đã chỉ đạo tập trung cho vay một số chương trình trọng điểm như sau:

**a) Đối với chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo**

Đây là 3 chương trình TDCS có số dư nợ cho vay lớn, tổng dư nợ 3 chương trình 1.619.896 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 43%/tổng dư nợ. Việc cho vay các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo đã có tác động trực tiếp và tích cực đến vấn đề an sinh xã hội tại địa phương; góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 xuống còn 2,16% (giảm 0,66% so với năm 2020); giảm tỷ lệ hộ cận nghèo xuống 4,28% (giảm 2,19% so với năm 2020). Kết thúc năm 2021 tỉnh Thái Nguyên đã đáp ứng cơ bản nhu cầu vốn cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo.

**b) Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.**

Chương trình Giải quyết việc làm từ khi có Nghị định 61/2015/NĐ-CP đến nay tỉnh Thái Nguyên chưa được bố trí nguồn vốn từ Ngân sách Trung ương; Vốn Ngân sách địa phương còn hạn chế. Năm 2021 Chi nhánh được NHCSXH Trung ương phân bổ 79.000 triệu đồng từ nguồn NHCSXH huy động trên thị trường, kết hợp với nguồn vốn ủy thác địa phương 25.346 triệu đồng, vốn điều chỉnh từ 02 chương trình (hộ nghèo, Cận nghèo) sang cho vay giải quyết việc làm và vốn thu hồi nợ tại Chi nhánh; Năm 2021 đã cho vay được 177.546 triệu đồng, thu hút và tạo việc làm được 4.317 Lao động.

**c) Chương trình cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết 68/NQ-CP**

Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP đến các đơn vị cơ sở, yêu cầu các đơn vị cơ sở tổ chức triển khai tập huấn nghiệp vụ đến cán bộ trong đơn vị. Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh xã hội, Bảo hiểm xã hội, Cục thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan để tham mưu UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành văn bản số 3228/UBND-KGVX ngày 13/7/2021 v/v triển khai chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chi nhánh đã ban hành văn bản số 493/NHCS-KHTD ngày 19/7/2021 v/v phối hợp thực hiện chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; văn bản số 507/NHCS-KHTD ngày 22/7/2021 triển khai thực hiện chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

Kết quả đến 31/12/2021 đã giải ngân được 3.669 triệu đồng cho 11 Doanh nghiệp với 945 lượt người lao động. Trong đó cho vay trả lương ngừng việc số tiền 1.125 triệu đồng với 287 lao động được trả lương; cho vay trả lương phục hồi sản xuất số tiền 2.544 triệu đồng với 658 lao động được trả lương.

**d) Triển khai thực hiện việc giảm lãi cho khách hàng vay vốn theo Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng tại NHCSXH theo văn bản số 10879/NHCS-HD ngày 26/11/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng tại NHCSXH theo Quyết định 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.**

Đến 31/12/2021, tổng số lãi giảm cho khách hàng là: 7.487,8 triệu đồng.

**3.3. Công tác củng cố nâng cao chất lượng tín dụng**

### ***a) Quản lý và xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn***

Chi nhánh thường xuyên quan tâm trú trọng đến chất lượng tín dụng; thực hiện tốt các giải pháp xử lý các khoản nợ xấu đạt hiệu quả; tham mưu Trưởng BDD cùng cấp gắn việc kiểm tra địa bàn phụ trách với việc trực tiếp chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp chặt chẽ với NHCSXH thu hồi các khoản NQH; định kỳ hàng tháng, trước ngày giao dịch cố định xã thực hiện sao kê, phân tích, đánh giá từng khoản nợ đến hạn, NQH để có kế hoạch đưa ra các giải pháp xử lý cho phù hợp, đặc biệt quan tâm đôn đốc các khoản NQH còn có khả năng thu hồi nợ, NQH do khách hàng chây ỳ.

Các đơn vị đã tích cực rà soát, đôn đốc và tìm mọi biện pháp để xử lý nợ quá hạn. Trong năm 2021, doanh số chuyển NQH là 8.703 triệu đồng; doanh số thu NQH là 8.794 triệu đồng; số dư NQH đến 31/12/2021 là 2.167 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,058%/tổng dư nợ, giảm 91 triệu đồng so với 31/12/2020 (2.258 triệu đồng).

### ***b) Quản lý nợ và xử lý nợ hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú:***

NHCSXH nơi cho vay phối hợp chặt chẽ với UBND và tổ chức Hội, Đoàn thể nhận ủy thác cấp xã, Tổ TK&VV thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích nguyên nhân, xác định địa chỉ của hộ vay, theo dõi, giám sát, đôn đốc thu hồi khi hộ vay có mặt tại địa phương; đồng thời làm tốt công tác phối hợp đôn đốc thu hồi các khoản nợ của khách hàng vay vốn NHCSXH từ nơi khác chuyển đến. Năm 2021, Chi nhánh có phát sinh số khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú 10 hộ, số tiền 357 triệu đồng; đã thu nợ 747 triệu đồng. Đến 31/12/2021, số khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú còn 46 hộ, số dư nợ còn 1.352 triệu đồng, giảm 09 hộ số tiền 390 triệu đồng so với 31/12/2020, trong đó hộ có thông tin cụ thể 4 hộ với số tiền 150 triệu đồng, hộ có thông tin nhưng không rõ ràng và hộ không có thông tin là 42 hộ với số tiền 1.287 triệu đồng.

### ***c) Công tác xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan:***

Chi nhánh đã chỉ đạo NHCSXH nơi cho vay chủ động theo dõi, thường xuyên rà soát các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, hướng dẫn khách hàng lập thủ tục đề nghị xử lý rủi ro và phối hợp chặt chẽ với cơ quan liên quan hoàn thiện bộ hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định; năm 2021 Chi nhánh đã trình và được cấp có thẩm quyền chấp thuận cho xóa nợ 2 món vay, số tiền: 71,29 triệu đồng (trong đó số tiền gốc 70 triệu đồng, số tiền lãi 1,29 triệu đồng) và đang trình Trung ương xử lý rủi ro 25 món vay, số tiền: 631,93 triệu đồng (trong đó: khoan nợ 6 món, số tiền 88,97 triệu đồng, xóa nợ 19 món, số tiền 542,96 triệu đồng).

## **3.4. Hoạt động giao dịch xã và điểm giao dịch xã (GDX)**

Hoạt động GD tại xã và Điểm GDX ngày càng ổn định, nề nếp hiệu quả; được nhân dân chính quyền địa phương, các tổ chức Hội, Đoàn thể, các cấp các ngành đánh giá cao. Việc tổ chức GD một cửa tại xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi GD với NHCSXH. Tại Điểm GDX, NHCSXH đã cung cấp dịch vụ tiết kiệm, cho vay, thu nợ, thu lãi đã giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận được với dịch vụ tài chính dễ dàng và thuận lợi, tiết giảm chi phí; thực hiện quy chế dân chủ, công khai và tăng cường sự giám sát của chính quyền địa phương, các tổ chức Hội, Đoàn thể trong việc tổ chức triển khai thực hiện

TDCS tại cơ sở, qua đó càng tăng cường và củng cố thêm được niềm tin tưởng của nhân dân đối với Đảng. Đến nay, toàn Chi nhánh có 171 Điểm giao dịch tại UBND cấp xã /tổng số 178 đơn vị hành chính cấp xã của toàn tỉnh, 7 phường được bố trí giao dịch vào một ngày cố định hàng tháng tại Hội sở NHCSXH tỉnh. Kết quả hoạt động tại điểm GDX đã giải quyết trên 95% tổng giá trị giao dịch của NHCSXH với người nghèo và các đối tượng chính sách. Công tác phòng chống dịch Covid-19 tại điểm giao dịch xã đảm bảo an toàn.

### **3.5. Hoạt động ủy thác cho vay cho các tổ chức Hội, Đoàn thể**

Đến 31/12/2021, các tổ chức chính trị xã hội phối hợp với NHCSXH quản lý 2.815 Tổ Tiết kiệm và vay vốn, với dư nợ 3.727.992 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 99,50%/tổng dư nợ cho vay của NHCSXH; tăng 141.780 triệu đồng so với 31/12/2020 (3.586.212 triệu đồng). Trong đó: Hội Nông dân 1.081.728 triệu đồng, Hội Liên hiệp Phụ nữ 1.081.445 triệu đồng, Hội Cựu chiến binh 818.037 triệu đồng, Đoàn thanh niên 746.782 triệu đồng.

- Số dư nợ quá hạn và nợ khoanh: 2.156 triệu đồng, chiếm 0,058% tổng dư nợ ủy thác.

- Năm 2021, công tác phối hợp giữa NHCSXH với các Hội, Đoàn thể cùng cấp tiếp tục được củng cố và duy trì tốt; thường xuyên trao đổi, kịp thời nắm bắt thông tin hai chiều; quan tâm củng cố nâng cao chất lượng hoạt động ủy thác, coi trọng chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV và chất lượng tín dụng; Hội đoàn thể cấp tỉnh chỉ đạo Hội đoàn thể cấp dưới, giám sát toàn diện các hoạt động của Tổ TK&VV theo đúng quy chế và tổ chức hoạt động của Tổ TK&VV; phối hợp chặt chẽ với NHCSXH tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay và chỉ đạo Hội cấp dưới thực hiện các nội dung công việc trong hợp đồng nhận ủy thác chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn.

- Công tác kiểm tra, giám sát: Đến 31/12/2021, Tổ chức Hội, Đoàn thể các cấp đã thực hiện kiểm tra giám sát được, 36 lượt huyện, 666 lượt xã, 4.583 lượt Tổ TK&VV và 31.444 lượt hộ vay vốn. Chỉ đạo tổ chức Hội đoàn thể nhận ủy thác cấp xã thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay của 100% các món vay mới trong vòng 30 ngày kể từ ngày NHCSXH giải ngân cho hộ vay.

### **3.6. Hoạt động của Tổ TK&VV**

Năm 2021, Chi nhánh thường xuyên quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng của Tổ TK&VV theo quy chế quy định, chất lượng hoạt động Tổ TK&VV ngày càng ổn định và phát huy hiệu quả; thực hiện đúng theo Quy ước hoạt động của Tổ; tích cực phổ biến, tuyên truyền, giải thích cho các Tổ viên về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; hướng dẫn hồ sơ, thủ tục vay vốn NHCSXH; tuyên truyền, vận động tổ viên thực hành tiết kiệm để gửi tiền định kỳ hàng tháng từ các khoản thu nhập nhỏ, nâng cao ý thức trong việc vay vốn và trả nợ ngân hàng của Tổ viên. Đến nay Chi nhánh có 2.821 Tổ TK&VV đang hoạt động tại 2.897 thôn (xóm) trên địa bàn toàn tỉnh, giảm 222 Tổ so năm 2020 do kiện toàn lại.

## **4. Công tác Kế toán - Ngân quỹ**

### **a. Công tác kế toán tài chính**

Tại Hội sở tỉnh và các PGD cấp huyện đã tuân thủ và thực hiện tốt yêu cầu về hạch toán kế toán; các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi nhận, phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác; toàn bộ cơ sở dữ liệu, số liệu kế toán hàng ngày được cập nhật vào hệ thống và được quản lý khai thác có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành của Lãnh đạo các cấp. Chấp hành đúng quy chế quản lý tài chính nội ngành; các khoản thu, chi được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện thu đúng, thu đủ; chi tiêu tiết kiệm, đúng định mức chi; chấp hành đúng chế độ quy định theo cơ chế khoán tài chính của NHCSXH. Trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; đảm bảo quỹ tiền lương theo chế độ cho người lao động. Công tác kiểm tra, giám sát hạch toán quản lý vốn, tài sản, thu nhập, chi phí; nợ phải thu, phải trả và quá trình luân chuyển vốn, tài sản được thực hiện thường xuyên; thông qua công tác kiểm tra giám sát phát hiện những tồn tại sai sót đã chấn chỉnh kịp thời.

Kết thúc năm tài chính, kết quả thực hiện như sau:

- Tổng thu thực hiện: 295.639,9 triệu đồng, đạt 125% kế hoạch năm;
- Tổng chi thực hiện: 237.772,16 triệu đồng, đạt 116% kế hoạch năm;
- Chênh lệch thu-chi: 57.867,74 triệu đồng, đạt 131% kế hoạch năm 2021.

#### ***b. Công tác ngân quỹ:***

Chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn kho quỹ, quy trình vào kho, ra kho, kiểm quỹ cuối ngày; đảm bảo an toàn tiền mặt trong giao dịch với khách hàng và vận chuyển trên đường đi giao dịch tại xã. Các loại sổ sách ngân quỹ được mở đầy đủ, ghi chép kịp thời các khoản thu, chi tiền mặt qua quỹ Ngân hàng. Tổng thu tiền mặt qua quỹ nghiệp vụ là 7.031.752.340.740 đồng; tổng chi tiền mặt qua quỹ nghiệp vụ là 7.031.750.343.040 đồng. Trong năm qua quỹ nghiệp vụ không phát hiện tiền giả, tiền nghi giả; Công tác kho quỹ đảm bảo an toàn.

#### **5. Công tác Kiểm tra, Kiểm soát nội bộ**

- Năm 2021, Chi nhánh đã thực hiện kiểm tra toàn diện các mặt hoạt động tại 8 đơn vị PGD cấp huyện và Hội sở tỉnh; Kiểm tra việc thực hiện văn bản chấn chỉnh sau kiểm tra tại PGD NHCSXH huyện Đại Từ, Đồng Hỷ và ban hành văn bản chấn chỉnh sau kiểm tra tại các Đơn vị được kiểm tra. Hoàn thành 100% kế hoạch năm 2021. Kiểm tra công tác phòng chống dịch tại huyện Phú Bình, Phú Lương, Định Hóa, Thành phố Sông Công, Võ Nhai, Đồng Hỷ. Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động tại giao dịch xã theo văn bản 3502/NHCS-TDNN ngày 01/8/2017 của Tổng Giám đốc tại các huyện trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện công tác giám sát từ xa qua tiện ích KT740 trên chương trình Thông tin báo cáo. Cán bộ chuyên trách kiểm tra tại PGD cấp huyện đã thực hiện kiểm tra về kết quả xây dựng, phân giao, điều hành kế hoạch tín dụng theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS; Kiểm tra hồ sơ pháp lý của 90 xã, 964 tổ TK&VV; Kiểm tra đối chiếu trực tiếp: 92 xã, 350 Hội đoàn thể, 518 tổ TK&VV, 2.623 hộ vay vốn; Kiểm tra 20 dự án có tài sản đảm bảo; Kiểm tra Điểm GDX: 122 xã, phường, thị trấn; 646.248 chứng từ kế toán.

- Công tác kiểm tra chuyên đề đã thực hiện kiểm tra được 8/8 lượt huyện đối với chuyên đề Kế hoạch – nghiệp vụ; 4/8 lượt huyện chuyên đề kế toán; 5/8 lượt huyện chuyên đề hành chính tổ chức; 8/8 lượt huyện chuyên đề tin học.

- Thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát của Chủ tịch HĐQT NHCSXH, Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện kiểm tra, giám sát được 9 lượt huyện, 6 lượt xã, 6 tổ TK&VV và 10 lượt hộ vay vốn. Thành viên Ban đại diện HĐQT cấp huyện có 89/89 thành viên được phân công thực hiện kiểm tra, giám sát được 148 xã, 341 tổ TK&VV và 1.017 hộ vay vốn. Thành viên là Chủ tịch UBND cấp xã có 178/178 thành viên đã thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát được 178 xã, 1.1056 tổ TK&VV và 3.985 hộ vay vốn.

## **6. Công tác Tin học**

Hội sở tỉnh và các PGD cấp huyện đã được trang bị đầy đủ các thiết bị máy móc đảm bảo cho hoạt động của NHCSXH. Chi nhánh tiếp nhận và triển khai đầy đủ, kịp thời các phần mềm ứng dụng do Trung ương ban hành tới tất cả các PGD. Thông tin tài khoản, thông tin khách hàng, hoạt động kế ước đầy đủ, chính xác đáp ứng yêu cầu hạch toán kế toán. Công tác an toàn dữ liệu đảm bảo, định kỳ lưu trữ, bảo quản giao dịch được các PGD thực hiện theo quy định. Quản lý và vận hành máy chủ theo đúng quy định của Trung tâm Công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Công tác nghiên cứu, xây dựng và đưa vào khai thác một số chương trình tiện ích phục vụ hoạt động nghiệp vụ theo đặc thù riêng của chi nhánh được quan tâm, giúp nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm thời gian, tiết giảm chi phí; xây dựng và triển khai tiện ích tổng hợp số liệu theo yêu cầu của các đơn vị trong chương trình TTBC và các chương trình chạy độc lập phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Chi nhánh. Chuẩn bị tốt các điều kiện thiết bị phục vụ cho các hội nghị trực tuyến tại chi nhánh.

## **7. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo tập huấn, thi đua khen thưởng và xây dựng cơ bản**

### **a. Công tác tổ chức cán bộ**

Chi nhánh đã tổ chức rà soát, thực hiện điều động bố trí sắp xếp cán bộ giữa các PGD cấp huyện và chi nhánh tỉnh nhằm tăng cường nguồn lực cho các PGD, đáp ứng yêu cầu công tác; mặt khác hợp lý hóa gia đình đối với cán bộ viên chức. Điều động và bổ nhiệm 01 Giám đốc phòng giao dịch và 01 phó trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ tỉnh; Bổ nhiệm 01 Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ tỉnh; bổ nhiệm lại 05 cán bộ, tiếp nhận và phân công công việc đối với 01 cán bộ, điều động 06 cán bộ theo yêu cầu công việc. Tiếp tục bố trí 03 cán bộ đang tăng cường tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Thành lập tổ Tổng hợp tại 04 phòng giao dịch: Đại Từ, Phổ Yên, Phú Bình, Đông Hỷ. Trong năm đã tuyển dụng được 04 lao động. Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch giai đoạn 2021-2025, trình Tổng Giám đốc và Giám đốc chi nhánh phê duyệt. Thực hiện chế độ hưu trí đối với 03 cán bộ.

### **b. Công tác đào tạo tập huấn**

Chi nhánh đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ là thành viên BDD là chủ tịch các xã phường, cán bộ các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác các cấp

tỉnh, cấp huyện. Các PGD đã hoàn thành kế hoạch tập huấn cho các đối tượng: Hội Đoàn thể nhận ủy thác cấp xã; cán bộ Ban giám nghèo cấp xã, Trưởng xóm và cán bộ BQL Tổ TK&VV. Tổ chức kiểm tra đánh giá kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn nghiệp vụ toàn chi nhánh; kết quả đều đạt loại giỏi và xuất sắc.

Trong năm 2021 đã phối hợp cùng Trung tâm đào tạo tổ chức đào tạo theo phương thức trực tuyến: 04 CB kiểm tra KSNB; 03 Tổ trưởng Tổ KH-NV, 13 CB kế toán, 10 CB tín dụng và thi cuối khóa đối với CB mới tuyển dụng.

### **c. Công tác thi đua khen thưởng**

- Chi nhánh luôn tích cực triển khai và hưởng ứng các phong trào thi đua (TĐ) do NHCSXH, các cấp, ngành và địa phương phát động; đồng thời phát động nhiều đợt TĐ ngắn ngày, TĐ đột xuất. Kết quả thực hiện công tác TĐKT năm đã tổng kết đánh giá 01 phong trào thi đua của cả năm, 03 đợt thi đua ngắn ngày, khen thưởng, trình khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị “Vinh danh Ngân hàng Chính sách xã hội” năm 2021.

Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua chuyên đề do Trung ương, tỉnh phát động. Tiếp tục thực hiện văn bản số 351/NHCS-TĐKT ngày 13/5/2019 về việc phát động phong trào thi đua “Cán bộ NHCSXH rèn đức, luyện nghề, sáng tạo” tại chi nhánh tỉnh Thái Nguyên; văn bản số 844/NHCS-TĐKT ngày 12/11/2019 về việc phát động phong trào thi đua “Cán bộ công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019-2025.

### **d. Công tác xây dựng cơ bản**

Tổ chức thực hiện việc cải tạo, sửa chữa, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và thanh quyết toán vốn đầu tư cải tạo sửa chữa công trình trụ sở làm việc PGD thị xã Phổ Yên; hàng rào PGD huyện Đại Từ.

### **8. Công tác hỗ trợ tăng cường tại PGD huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng**

Trong năm chi nhánh tiếp tục bố trí cán bộ 05 cán bộ (Trong có 02 cán bộ được điều động về Chi nhánh từ 01/12/2021) để thực hiện nhiệm vụ củng cố nâng cao chất lượng hoạt động, chất lượng tín dụng, hỗ trợ đào tạo cán bộ tại PGD huyện Long Phú. Kết quả đến 31/12/2021, tổng nguồn vốn: 313.779 triệu đồng, tăng 24.988 triệu đồng so với cuối năm 2020 (288.791 triệu đồng). Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách huyện: 2.337 triệu đồng, tăng 500 triệu đồng so với cuối năm 2020 (1.837 triệu đồng), đạt 125% so với kế hoạch (400 triệu đồng). Tổng dư nợ: 313.107 triệu đồng, với 11.788 khách hàng còn dư nợ, tăng 24.411 triệu đồng so với cuối năm 2020 (288.696 triệu đồng), đạt 99,76% so với kế hoạch dư nợ (313.866 triệu đồng), đạt 99,5% kế hoạch tăng trưởng dư nợ giao năm 2021. Nợ xấu: 23.600 triệu đồng, giảm 1.477 triệu đồng so với cuối năm 2020 (25.077 triệu đồng); tỷ lệ nợ xấu chiếm 7,54% tổng dư nợ, giảm 1,15% so với cuối năm 2020 (tỷ lệ 8,69%). Trong đó: Nợ quá hạn: 5.561 triệu đồng, tăng 3.307 triệu

đồng so với năm 2020; Nợ khoanh: 18.039 triệu đồng, giảm 4.784 triệu đồng so với năm 2020

### **9. Công tác thông tin, tuyên truyền về tín dụng chính sách**

Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động TDCS của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác luôn được Chi nhánh quan tâm, đẩy mạnh nhiều hình thức tuyên truyền đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân biết để thực hiện và giám sát; chuyển tải đầy đủ văn bản chính sách chế độ mới đến cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị- xã hội. Trong năm công tác thông tin, tuyên truyền trọng tâm vào tuyên truyền những kết quả thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW qua 5 năm. Trong năm 2021 đã phối hợp với các cơ quan truyền thông thực hiện 113 bài viết, 47 tin phóng sự truyền hình, 531 sản phẩm tuyên truyền của các PGD tại các đài phát thanh truyền hình địa phương để tuyên truyền về các hoạt động của NHCSXH và các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về tín dụng chính sách.

### **10. Công tác khác:**

- Công tác Đảng, đoàn thể: Luôn được Chi nhánh và các PGD quan tâm xây dựng: Hội sở tỉnh và 8 PGD đều có tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên. Hoạt động tổ chức Đảng thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các Đoàn thể, chuyên môn, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, đảng ủy khối. Năm 2021 Đảng bộ NHCSXH tỉnh đạt “trong sạch vững mạnh tiêu biểu”. Công tác Đoàn thể: Thường xuyên phối hợp với chuyên môn thực hiện chăm lo đời sống của cán bộ viên chức và người Lao động (CBVV&NLĐ); tổ chức và vận động hưởng ứng tham gia các phong trào do Đảng bộ, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên và địa phương tổ chức. Hàng quý tổ chức thực hiện tốt công tác đối thoại định kỳ giữa bên đại diện người lao động và bên người sử dụng lao động; thông qua các kỳ đối thoại trực tiếp, những phản ánh, vướng mắc về quyền và lợi ích của người lao động được lãnh đạo đơn vị đại diện cho bên sử dụng lao động trả lời thỏa đáng bằng văn bản.

- Công tác ủng hộ từ thiện: Trong năm hoạt động ủng hộ từ thiện luôn được quan tâm, chi nhánh đã động viên, cán bộ, đảng viên tích cực tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện năm 2021 được 887.549.337 đồng. Trong đó ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 số tiền 383.450.898 đồng, ủng hộ vì người nghèo 32.389.141 đồng, ủng hộ công tác phòng chống Covid-19 và chương trình máy tính cho em 80.606.964 đồng; ủng hộ các hoạt động khác 391.102.334 đồng. Chi nhánh đã được Ngân hàng Chính sách xã hội hỗ trợ ủng hộ Quỹ vì người nghèo tỉnh Thái Nguyên số tiền 500 triệu đồng.

### **11. Công tác phòng chống dịch Covid-19**

Chi nhánh bám sát các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống Covid-19, các văn bản chỉ đạo của ngành và địa phương, đặc biệt thực hiện nghiêm văn bản số 7560/NHCS- VP ngày 23/8/2021 V/v tăng cường biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại các đơn vị và các văn bản chỉ đạo khác của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 NHCSXH và văn bản số 612/PA-NHCS ngày 27/8/2021 về việc bổ sung sửa đổi phương án tăng cường các biện pháp phòng,

chống dịch Covid 19 của Giám đốc Chi nhánh - Trưởng ban chỉ đạo phòng, chống Covid – 19 Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên; văn bản số 613/NHCS-BCĐ ngày 27/8/2021 v/v kế hoạch phòng chống dịch covid 19 và các phương án xử trí khi có các trường hợp mắc Covid 19 của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

Thực hiện rà soát, chi hỗ trợ khẩn cấp cho đoàn viên công đoàn và người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 theo văn bản số 320/CĐNHCS ngày 01/6/2021 của Công đoàn NHCSXH. Liên hệ với các Trung tâm y tế Thành phố, huyện tiêm phòng Vắcxin Covid-19 cho 140 cán bộ viên chức và người lao động (trong đó số cán bộ đã tiêm đủ 2 mũi là 140 người, số cán bộ đã tiêm đủ 3 mũi là 72 người).

## II. THỰC HIỆN CHỈ THỊ 40-CT/TW.

- Về thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW: Chi nhánh đã bám sát Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với TDCS xã hội; Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 653/NHCS-KHNV ngày 18/03/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW để tiếp tục tham mưu cho cấp Ủy đảng, Chính quyền các cấp tổ chức thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW trên địa bàn toàn tỉnh.

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW đến cuối năm 2021: Nguồn vốn ủy thác địa phương chuyển sang NHCSXH để cho vay (*trước khi có Chỉ thị 40 là 28.588 triệu đồng*); từ khi có Chỉ thị 40 tăng thêm là 114.903 triệu đồng (+401,9%); năm 2021 đã chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương sang NHCSXH để cho vay các đối tượng chính sách trên địa bàn được 25.346 triệu đồng, đạt 126,7% kế hoạch giao trong đó ngân sách tỉnh 11.653 triệu đồng, ngân sách huyện và các doanh nghiệp 13.693 triệu đồng (*có 3 đơn vị đã thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch giao thành phố Thái Nguyên, thị xã Phổ Yên và huyện Đại Từ*), nâng tổng nguồn vốn ủy thác của địa phương đến nay đạt 143.491 triệu đồng

## III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm qua, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân xong được sự quan tâm, chỉ đạo của NHCSXH Trung ương, của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp; sự phối kết hợp chặt chẽ của các tổ chức Hội, Đoàn thể đã tạo điều kiện thuận lợi cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Vốn TDCS đã mang lại hiệu quả thiết thực; chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện giải ngân được 1.166.352 triệu đồng, với 30.423 lượt khách hàng. Giúp cho 7.774 hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được vay vốn, 4.317 lao động có việc làm ổn định; xây dựng 29.599 công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; 42 căn nhà ở xã hội và 4.030 lượt hộ gia đình ở vùng khó khăn được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Chương trình cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất đối với người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP được 11 doanh nghiệp với số tiền 3.669 triệu đồng để thực hiện việc chi trả lương cho 915 lao động.

TDCS đã góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, XDNTM, tập trung phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định Chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế- xã hội, được cấp ủy đảng, chính quyền địa phương ghi nhận và đánh giá cao.

#### **IV. MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ TỒN TẠI**

1. Cơ cấu nguồn vốn TDCS còn nhiều bất cập, vốn chủ yếu do Trung ương chuyển về, vốn ngân sách địa phương còn hạn chế (143.491 triệu đồng, chiếm 3,82%/tổng nguồn vốn của NHCSXH), chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn, đặc biệt là nhu cầu cho vay giải quyết việc làm tại địa phương.

2. Tăng trưởng dư nợ thấp, năm 2021 tỷ lệ tăng trưởng đạt 4,09% /5%; chưa đạt so với kế hoạch của Chi nhánh đặt ra.

3. Đối với chương trình cho vay NOXH: Tỉnh Thái Nguyên chưa có khu chung cư dành cho người thu nhập thấp, nên chưa triển khai cho vay được đối với các trường hợp mua, thuê mua nhà ở xã hội. Các đối tượng xây mới, khách hàng vay vốn không đáp ứng được các hồ sơ, tài liệu theo quy định như: Giấy phép xây dựng; dự toán; các hóa đơn, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay nên dẫn đến việc hoàn thiện bộ hồ sơ cho vay mất nhiều thời gian, tiến độ giải ngân chậm.

4. Việc triển khai thực hiện nâng mức cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo còn hạn chế. Số hộ vay trên 50 triệu là 2.962 hộ, chiếm 9,19% tổng số hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo còn dư nợ (Trong đó hộ nghèo có 493 hộ, số tiền 42.636 triệu đồng; hộ cận nghèo có 1.083 hộ số tiền 93.348 triệu đồng; hộ mới thoát nghèo có 1.431 hộ, số tiền 133.249 triệu đồng. Dư nợ bình quân /hộ thấp (Cho vay hộ nghèo 46,8 triệu đồng/hộ; cho vay hộ cận nghèo 50,26 triệu đồng/hộ; cho vay hộ mới thoát nghèo 53,66 triệu đồng/hộ).

### **Phần II**

## **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

### **I. MỤC TIÊU CHUNG**

Căn cứ Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2021-2030, bám sát chương trình, mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là thực hiện các chính sách về đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu KH được giao.

### **II. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

1. Phấn đấu tăng trưởng nguồn vốn và dư nợ từ 5% trở lên so với năm 2021, thực hiện đạt các chỉ tiêu KHTD được Tổng Giám đốc giao và Địa phương ủy thác.

2. Hoàn thành các chỉ tiêu, cụ thể:

- Tỷ lệ nợ quá hạn giữ ổn định ở mức dưới 0,06%, tỷ lệ thu lãi đạt trên 98%; 100% nợ đến hạn được xử lý theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện việc củng cố Tổ TK&VV, đảm bảo 100% Tổ TK&VV hoạt động đúng theo quy chế quy định tại Quyết định số 15/QĐ-HĐQT.

- Về tài chính: phân đầu hoàn thành 100% kế hoạch tài chính được trung ương giao; đảm bảo quỹ tiền lương theo chế độ cho cán bộ nhân viên và người lao động.

### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW; Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg.

2. Về thực hiện công tác kế hoạch tín dụng: Tập trung chỉ đạo các PGD bám sát chỉ tiêu KH tăng trưởng TD năm 2022 của từng chương trình TDCS để giải ngân kịp thời, đúng quy trình, quy định. Việc giải ngân các chương trình TDCS đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng, ưu tiên, tập trung nguồn vốn cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đầu giai đoạn để giúp các hộ có vốn sản xuất kinh doanh vươn lên thoát nghèo bền vững.

3. Tiếp tục phối hợp Sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương, tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác các cấp tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc nâng mức cho vay đối với chương trình tín dụng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tăng cường thực hiện cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP. Tiếp tục đẩy mạnh cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định 33/2021/QĐ-TTg về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

4. Triển khai thực hiện tốt công tác đối chiếu nợ, phân loại nợ năm 2021 theo văn bản 10726/NHCS-QLN ngày 19/11/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH, văn bản số 870/BĐD-NHCS ngày 30/11/2021 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thái Nguyên và văn bản số 880/NHCS-KHTD ngày 02/12/2021 của NHCSXH.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh triển khai tổng kết đánh giá 20 năm thực hiện tín dụng chính sách theo Nghị định 78/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Về củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng: Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng TD theo hướng ổn định, bền vững; làm tốt công tác quản lý và xử lý nợ đến hạn theo kế hoạch; quan tâm đôn đốc thu hồi NQH. Đưa tiêu chí “PGD không có nợ quá hạn”, “Xã không có nợ quá hạn”, “Tổ TK&VV không có nợ quá hạn” vào chỉ tiêu phát động các đợt thi đua ogni, năm.

7. Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng hoạt động ủy thác, trong đó chú trọng việc tổ chức thực hiện của tổ chức Hội, Đoàn thể cấp xã trong việc theo dõi, quản lý, đôn đốc, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV, quan tâm các đơn vị còn yếu kém; tăng cường vai trò, trách nhiệm của cán bộ Hội, đoàn thể được giao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ ủy thác; đồng thời tăng cường sự chỉ đạo, nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát của Hội, đoàn thể các cấp tại cơ sở.

8. Thường xuyên quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng Tổ TK&VV, ổn định và duy trì các Tổ TK&VV có chất lượng hoạt động tốt; rà soát lại các Tổ TK&VV loại trung bình và yếu kém, Tổ chỉ có Tổ Trưởng hoạt động để có kế hoạch sắp xếp và tập huấn lại đối với Ban quản lý Tổ theo đúng quy định. Tiếp tục hoàn thiện việc kiện toàn quy mô Tổ theo cụm dân cư liền kề; nâng cao chất lượng bình xét cho vay và đôn đốc, giám sát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi theo đúng quy định.

9. Tiếp tục làm tốt đối với hoạt động GDX theo văn bản số 4030/NHCS-TDNN, đảm bảo đúng quy trình, an toàn tài sản; tổ chức tuyên truyền và thực hiện huy động nhận tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV theo văn bản số 4198/NHCS-TDNN nhằm tạo nguồn vốn trả nợ cho người nghèo vay vốn và huy động tiền gửi của các cá nhân tại Điểm giao dịch xã theo văn bản 3185/NHCS-KHNV của Tổng Giám đốc.

10. Về công tác Kế toán ngân quỹ: Chấp hành nghiêm túc cơ chế quản lý tài chính nội ngành quy định; tuân thủ về công tác hạch toán kế toán; thông qua công tác hạch toán kế toán trên hệ thống để kiểm soát và kịp thời phát hiện những tồn tại sai sót để khắc phục chỉnh sửa kịp thời; đảm bảo an toàn tuyệt đối về kho quỹ trong kho và trên đường vận chuyển.

11. Công tác tổ chức cán bộ: Thực hiện rà soát cán bộ hiện có trong Chi nhánh, đảm bảo cán bộ đủ năng lực, đạo đức đáp ứng được yêu cầu của công việc được giao; thực hiện luân chuyển cán bộ từ tỉnh xuống các PGD nhằm đào tạo nguồn cán bộ Lãnh đạo cho NHCSXH và tăng cường cán bộ cho các đơn vị có chất lượng hoạt động thấp. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, đánh giá cán bộ, xây dựng cán bộ trong toàn Chi nhánh nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ NHCSXH.

12. Công tác tin học: Triển khai cập nhật đầy đủ các phiên bản bổ sung, nâng cấp các phần mềm do Trung tâm công nghệ thông tin triển khai, bao gồm: Thông tin báo cáo (TTBC), Intellect, Quản lý hành chính, Itrans, trang web Quản trị vận hành hệ thống Core banking của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), đảm bảo các hệ thống ứng dụng vận hành đúng quy trình, xử lý kịp thời các yêu cầu nghiệp vụ phát sinh. Thực hiện tốt việc quản trị, hỗ trợ vận hành các chương trình phần mềm ứng dụng. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung tiện ích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chi nhánh. Thực hiện công tác chuyển đổi số theo Nghị quyết của tỉnh và kế hoạch của Ngân hàng Chính sách xã hội.

13. Công tác kiểm tra: Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, toàn diện, kiểm tra chuyên đề, tự kiểm tra; công tác giám sát từ xa của Kiểm tra kiểm soát nội bộ tỉnh và các PGD; chú trọng kiểm tra có trọng tâm trọng điểm về chất lượng tín dụng, hoạt động Điền GDX, chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV; đồng thời tích cực chỉnh sửa các sai sót, tồn tại đã được phát hiện qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra.

14. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về TDCS cũng như vai trò, hiệu quả hoạt động của NHCSXH trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, XDNTM, ổn định an sinh xã hội; trong đó tập trung tuyên truyền những kết quả nổi bật trong hoạt động của NHCSXH năm 2021; kết quả thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Quyết định số 401/QĐ-TTg; phối hợp với cơ quan truyền thông xây dựng các phóng sự, trả lời phỏng vấn đề người dân biết và hiểu được những chính sách mới của Đảng, Chính phủ đối với hoạt động TDCS do NHCSXH thực hiện.

15. Công tác phòng chống dịch Covid-19: Chi nhánh và các phòng giao dịch cấp huyện tiếp tục bám sát các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống Covid-19, các văn bản chỉ đạo của ngành và địa phương, Ban chỉ đạo các cấp về công tác phòng chống dịch trong tình hình mới theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về việc quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid -19”. Tuyệt đối không lơ là chủ quan mất cảnh giác trong công tác phòng chống dịch, đảm bảo an toàn trong hoạt động.

16. Xây dựng tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên vững mạnh. Triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước do Hội đồng thi đua khen thưởng NHCSXH Trung ương, NHNN phát động; Chi nhánh phát động các đợt TĐ ngắn ngày, phong trào TĐ trong cán bộ, viên chức và người lao động toàn chi nhánh nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### Phần 3

#### ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

##### 1. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

- Đề nghị các Cấp ủy, Chính quyền tiếp tục chỉ đạo đối với hoạt động TDCS, Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW; Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW; Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg trong thời gian tới, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh, cấp huyện ngay từ đầu năm và động viên các Doanh nghiệp ủy thác tăng cường nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

- Chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh xây dựng các đề án, phương án phục hồi sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid-19 để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi, phát triển kinh tế sử

dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước ủy thác sang NHCSXH để cho vay theo đề án phương án.

## 2. Đối với NHCSXH


Đề nghị NHCSXH tiếp tục quan tâm đến các mặt hoạt động nghiệp vụ của Chi nhánh, tạo điều kiện bổ sung tăng thêm nguồn vốn cho vay Giải quyết việc làm để đáp ứng nhu cầu vốn cho các đối tượng thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi tại tỉnh Thái Nguyên.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên./.

### **Nơi nhận:**

- NHCSXH;
- Trưởng.BDD tỉnh (để b/c);
- BGD Chi nhánh tỉnh (để chỉ đạo);
- Các phòng CMNV Hội sở tỉnh;
- PGD NHCSXH cấp;
- Lưu: VT, KHTD.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Thịnh**

## NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM

## CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH

Năm 2021

Đơn vị: triệu đồng, hộ

TT	CHI NHÁNH/ HUYỆN/XÃ	Doanh số cho vay	Doanh số thu nợ	Doanh số xóa nợ	TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
						Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
(1)	(2)	(4)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Hội sở tỉnh-T.Nguyên	65,018.66	57,328.09	0.00	198,145.04	198,034.28	110.76	0.00	3,471.37	177,389.69	17,283.98	6,005	1,796
2	PGD huyện Đồng Hỷ	150,422.46	118,268.85	145.00	458,222.73	458,222.73	0.00	0.00	556.96	447,677.74	9,988.02	9,277	3,414
3	PGD TX Phổ Yên	145,033.75	117,363.52	7.60	464,723.11	464,723.11	0.00	0.00	420.00	444,010.42	20,292.69	11,781	4,382
4	PGD huyện Phú Bình	129,142.25	117,013.87	0.00	507,869.41	507,579.64	289.77	0.00	100.00	496,356.18	11,413.23	12,133	3,830
5	PGD huyện Phú Lương	125,498.30	119,051.45	0.00	389,559.69	389,362.69	197.00	0.00	1,240.00	363,838.83	24,480.86	9,043	3,479
6	PGD huyện Đại Từ	143,508.00	135,803.72	0.00	544,517.48	543,961.14	556.35	0.00	50.00	523,930.80	20,536.68	12,451	4,238
7	PGD huyện Võ Nhai	150,466.50	120,275.26	0.00	458,508.73	458,299.33	209.40	0.00	68.00	406,021.51	52,419.22	8,528	3,365
8	PGD huyện Định Hóa	210,284.25	198,703.37	0.00	546,271.21	545,540.76	730.45	0.00	2,122.15	509,698.38	34,450.68	10,566	5,135
9	PGD TP Sông Công	46,977.90	35,056.69	49.18	179,068.17	178,995.17	73.00	0.00	0.00	147,901.91	31,166.26	3,427	784
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1,166,352.07</b>	<b>1,018,864.83</b>	<b>201.78</b>	<b>3,746,885.58</b>	<b>3,744,718.86</b>	<b>2,166.73</b>	<b>0.00</b>	<b>8,028.48</b>	<b>3,516,825.47</b>	<b>222,031.63</b>	<b>83,211</b>	<b>30,423</b>

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN

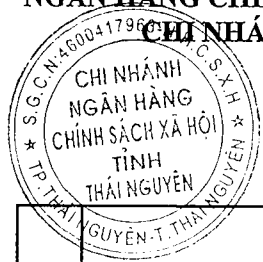
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH**

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2021

Đơn vị: triệu đồng, hộ

(1)	CHƯƠNG TRÌNH VAY	Doanh số cho vay	Doanh số thu nợ	Doanh số xóa nợ	TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn		
						Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn				
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Cho vay ưu đãi hộ nghèo - Nghị định 78/2002	76,099.00	273,261.25	120.00	466,521.69	465,683.39	838.29	0.00	100.00	450,228.69	16,193.00	9,963	1,447		
2	Cho vay hộ cận nghèo - QĐ 15/2013	158,281.50	214,474.20	0.00	608,494.63	608,199.65	294.98	0.00	100.00	588,959.63	19,435.00	12,105	2,723		
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo - QĐ 28/2015	223,445.00	88,590.95	49.18	544,878.68	544,803.68	75.00	0.00	133.00	544,745.68	0.00	10,154	3,604		
4	Cho vay HSSV - QĐ 157/2007	12,188.25	22,697.61	0.00	72,795.05	72,711.95	83.10	0.00	0.00	5,238.15	67,556.90	2,310	203		
5	Cho vay NS&VSMTNT - QĐ 62/2004	295,565.00	109,367.38	0.00	783,807.44	783,758.88	48.56	0.00	0.00	783,807.44	0.00	43,435	14,810		
6	Cho vay giải quyết việc làm - NĐ 61/2015	177,546.20	69,149.77	0.00	358,233.82	358,165.22	68.60	0.00	2,366.21	353,592.61	2,275.00	7,314	3,409		
7	Cho vay xuất khẩu lao động - NĐ 61/2015	3,287.00	5,203.84	0.00	6,905.54	6,905.54	0.00	0.00	0.00	6,706.10	199.44	127	40		
8	Cho vay DTCS đi lao động có thời hạn ở nước ngoài - QĐ 365/2004	346.00	4,352.59	0.00	3,900.11	3,855.11	45.00	0.00	0.00	3,500.11	400.00	77	4		
9	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn - QĐ 31/2007	195,646.00	181,521.88	0.00	721,392.67	720,879.38	513.30	0.00	840.00	715,992.67	4,560.00	15,994	4,030		
10	Cho vay thương nhân vùng khó khăn - QĐ 92/2009	2,859.00	5,539.85	0.00	6,465.05	6,375.15	89.90	0.00	380.15	6,084.90	0.00	136	58		
11	Cho vay nhà ở xã hội - NĐ 100/2015	15,720.00	3,365.37	0.00	53,150.67	53,150.67	0.00	0.00	0.00	0.00	53,150.67	176	42		
12	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 167/2008	0.00	2,431.78	7.60	523.95	459.95	64.00	0.00	0.00	0.00	523.95	71	0		
13	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 33/2015	0.00	746.00	25.00	49,719.67	49,719.67	0.00	0.00	0.00	0.00	49,719.67	1,994	0		
14	Cho vay hộ DTTS ĐBKK - QĐ 54/2012	0.00	14,472.09	0.00	242.00	226.00	16.00	0.00	0.00	242.00	0.00	32	0		
15	Cho vay hộ ĐBDTTS nghèo, đời sống khó khăn - QĐ 755/2013	0.00	12,657.60	0.00	390.00	360.00	30.00	0.00	0.00	390.00	0.00	27	0		
16	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi - NĐ 75/2015	0.00	460.00	0.00	3,155.00	3,155.00	0.00	0.00	0.00	1,845.00	1,310.00	68	0		
17	QĐ 2085/2016 - CV hộ Dân tộc thiểu số	0.00	8,879.00	0.00	56,334.00	56,334.00	0.00	0.00	440.00	49,186.00	6,708.00	1,184	0		
18	Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc đối với người lao	0.00	64.68	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0	0		
19	Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi	3,669.12	0.00	0.00	3,669.12	3,669.12	0.00	0.00	3,669.12	0.00	0.00	11	18		
20	Cho vay khác	1,700.00	1,629.00	0.00	6,306.50	6,306.50	0.00	0.00	0.00	6,306.50	0.00	131	35		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1,166,352.07</b>	<b>1,018,864.83</b>	<b>201.78</b>	<b>3,746,885.58</b>	<b>3,744,718.86</b>	<b>2,166.73</b>	<b>0.00</b>	<b>8,028.48</b>	<b>3,516,825.47</b>	<b>222,031.63</b>	<b>105,309</b>	<b>30,423</b>		

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN



**BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Chi nhánh tỉnh/thành phố	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn và nợ khoanh				Trong đó							
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) so với tháng trước	Tăng (+), giảm (-) so với 31/12/2020	Nợ quá hạn				Nợ khoanh			
							Số tiền	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) so với tháng trước	Tăng (+), giảm (-) so với 31/12/2020	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) so với tháng trước	Tăng (+), giảm (-) so với 31/12/2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Hội sở tỉnh-T.Nguyên	198,145.04	110.76	0.06	-47.89	1.95	110.76	0.06	-47.89	1.95	0.00	0.00	0.00	0.00
2	PGD huyện Đồng Hỷ	458,222.72	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3	PGD TX Phổ Yên	464,723.11	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	PGD huyện Phú Bình	507,869.41	289.77	0.06	-95.00	19.57	289.77	0.06	-95.00	19.57	0.00	0.00	0.00	0.00
5	PGD huyện Phú Lương	389,559.69	197.00	0.05	-9.54	50.59	197.00	0.05	-9.54	50.59	0.00	0.00	0.00	0.00
6	PGD huyện Đại Từ	544,517.48	556.35	0.10	44.20	-8.27	556.35	0.10	44.20	-8.27	0.00	0.00	0.00	0.00
7	PGD huyện Võ Nhai	458,508.74	209.40	0.05	0.00	-66.52	209.40	0.05	0.00	-66.52	0.00	0.00	0.00	0.00
8	PGD huyện Định Hóa	546,271.21	730.45	0.13	-6.00	-80.01	730.45	0.13	-6.00	-60.01	0.00	0.00	0.00	-20.00
9	PGD TP Sông Công	179,068.17	73.00	0.04	0.00	-29.18	73.00	0.04	0.00	-29.18	0.00	0.00	0.00	0.00
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3,746,885.57</b>	<b>2,166.73</b>	<b>0.06</b>	<b>-114.23</b>	<b>-111.87</b>	<b>2,166.73</b>	<b>0.06</b>	<b>-114.23</b>	<b>-91.87</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>	<b>-20.00</b>



NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM  
CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN

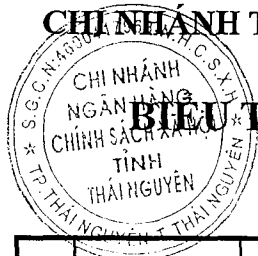
## BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH XÃ

Năm 2021

Đơn vị: %

TT	Phòng giao dịch/chi nhánh	Số phiên GDX/Điểm GDX (10 điểm)		Tỷ lệ Tổ TK&VV tham gia GDX (20 điểm)		Tỷ lệ giải ngân, thu lãi, thu nợ gốc tại Điểm GDX (45 điểm)		Trong đó						Hoạt động tiền gửi thông qua Tổ TK&VV (15)	Trong đó						Kiểm tra, đánh giá phiên GDX (10 điểm)		Tổng điểm	Xếp loại
								Tỷ lệ giải ngân tại Điểm GDX (15 điểm)		Tỷ lệ thu lãi tại Điểm GDX (15 điểm)		Tỷ lệ thu nợ gốc tại Điểm GDX (15 điểm)			Tỷ lệ Tổ TK&VV có số dư tiền gửi (3 điểm)		Tỷ lệ tổ viên Tổ TK&VV tham gia gửi tiền (6 điểm)		Tỷ lệ tăng, giảm số dư tiền gửi (6 điểm)					
		Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm		Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
	Tổng cộng	1.11	7.80	99.91	19.78	96.92	41.54	94.90	13.09	99.48	14.81	96.37	13.64	13.42	99.54	1.62	98.99	5.80	18.23	6.00	109.96	10.00	92.54	Tốt
1	Hội sở tỉnh-T. Nguyên	1.08	8.40	100.00	20.00	95.63	40.09	94.90	13.09	99.16	14.69	92.82	12.31	12.98	99.60	1.80	95.88	5.18	9.12	6.00	133.33	10.00	91.47	Tốt
2	PGD Đồng Hỷ	1.16	6.80	99.94	19.85	99.22	44.12	99.02	14.63	99.61	14.85	99.04	14.64	14.87	100.00	3.00	99.36	5.87	17.38	6.00	100.00	10.00	95.64	Tốt
3	PGD Phổ Yên	1.08	8.40	100.00	20.00	98.08	42.85	96.69	13.76	99.48	14.81	98.08	14.28	14.94	100.00	3.00	99.70	5.94	26.95	6.00	100.00	10.00	96.19	Tốt
4	PGD Phú Bình	1.06	8.80	99.89	19.73	95.80	40.27	93.02	12.38	99.44	14.79	94.94	13.10	14.03	99.73	2.19	99.21	5.84	15.19	6.00	170.83	10.00	92.83	Tốt
5	PGD Phú Lương	1.21	5.80	99.66	19.15	97.44	42.12	95.89	13.46	99.61	14.85	96.83	13.81	14.90	100.00	3.00	99.51	5.90	38.21	6.00	100.00	10.00	91.97	Tốt
6	PGD Đại Từ	1.13	7.40	99.95	19.88	94.72	39.07	91.06	11.65	99.19	14.70	93.91	12.72	14.51	100.00	3.00	98.72	5.74	14.43	5.77	100.00	10.00	90.86	Tốt
7	PGD Võ Nhai	1.05	9.00	99.97	19.93	99.06	43.94	98.87	14.58	99.60	14.85	98.70	14.51	14.37	100.00	3.00	99.47	5.89	13.71	5.48	100.00	10.00	97.24	Tốt
8	PGD Định Hóa	1.16	6.80	99.83	19.58	96.16	40.69	93.56	12.59	99.51	14.82	95.42	13.28	11.14	97.34	0.00	99.16	5.83	13.27	5.31	100.00	10.00	88.21	Tốt
9	PGD Sông Công	1.12	7.60	100.00	20.00	93.25	37.41	82.94	8.60	99.82	14.93	97.00	13.88	13.64	100.00	3.00	98.01	5.60	12.61	5.04	100.00	10.00	88.65	Tốt

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN



**BIỂU THEO DÕI NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÁC HUYỆN NĂM 2021**  
(Đến 31/12/2021)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NGÂN SÁCH TỈNH				NGÂN SÁCH HUYỆN				Nguồn vốn của các Chủ đầu tư (Công Ty, Doanh Nghiệp)				TỔNG NGUỒN NHẬN ỦY THÁC ĐẾN 31/12/2021	KH giao năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành KH giao (%)
		Số dư đến 31/12/2020	Số tăng trưởng năm 2021	Nhập lãi năm 2021	Số dư đến 31/12/2021	Số dư đến 31/12/2020	Số tăng trưởng năm 2021	Nhập lãi năm 2021	Số dư đến 31/12/2021	Số dư đến 31/12/2020	Số tăng trưởng năm 2021	Nhập lãi năm 2021	Số dư đến 31/12/2021			
	NS tỉnh			386.75	386.75									386.75		
1	Thành phố TN	19,126.12	2,500.00	1,266.37	22,892.49	9,955.81	2,000.00	268.81	12,224.62	0.00			0.00	35,117.11	1,500.00	151.25
2	Huyện Đồng Hỷ	3,663.00			3,663.00	3,568.39	1,000.00	92.20	4,660.59	1,356.28		31.01	1,387.29	9,710.88	1,000.00	112.32
3	Thị xã Phổ Yên	7,355.60	2,000.00		9,355.60	7,976.18	2,000.00	195.15	10,171.33	1,588.56	-180.00	36.59	1,445.15	20,972.08	1,500.00	136.78
4	Huyện Phú Bình	2,350.00			2,350.00	3,178.87	1,000.00	82.02	4,260.89	0.00			0.00	6,610.89	1,000.00	108.20
5	Huyện Phú Lương	3,034.29	1,000.00		4,034.29	2,858.47	1,000.00	77.41	3,935.88	0.00			0.00	7,970.17	1,000.00	107.74
6	Huyện Đại Từ	4,271.00			4,271.00	6,347.67	2,000.00	187.14	8,534.81	6,278.02		57.95	6,335.97	19,141.78	1,500.00	149.67
7	Huyện Võ Nhai	3,250.00			3,250.00	3,452.48	1,000.00	97.28	4,549.76	316.42		-0.49	315.93	8,115.69	1,000.00	109.68
8	Huyện Định Hóa	3,300.00			3,300.00	3,924.89	1,000.00	106.93	5,031.82	0.00			0.00	8,331.82	1,000.00	110.69
9	TP Sông Công	16,157.30	4,500.00		20,657.30	4,834.74	1,500.00	141.99	6,476.73	0.00			0.00	27,134.03	1,500.00	109.47
	<b>Tổng cộng</b>	<b>62,507.31</b>	<b>10,000.00</b>	<b>1,653.12</b>	<b>74,160.43</b>	<b>46,097.50</b>	<b>12,500.00</b>	<b>1,248.93</b>	<b>59,846.43</b>	<b>9,539.28</b>	<b>-180.00</b>	<b>125.05</b>	<b>9,484.33</b>	<b>143,491.19</b>	<b>11,000.00</b>	<b>126.74</b>